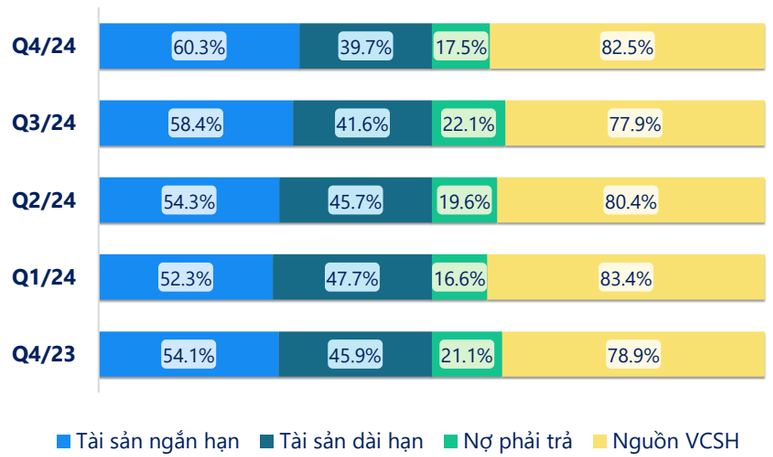
FireAnt

CTCP Bệnh viện tim Tâm Đức (UPCOM: TTD)

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	70,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	81,114
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	52,894
SL cổ phiếu LH	15,552,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	115
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,096
P/E	13.0
EPS	5,419

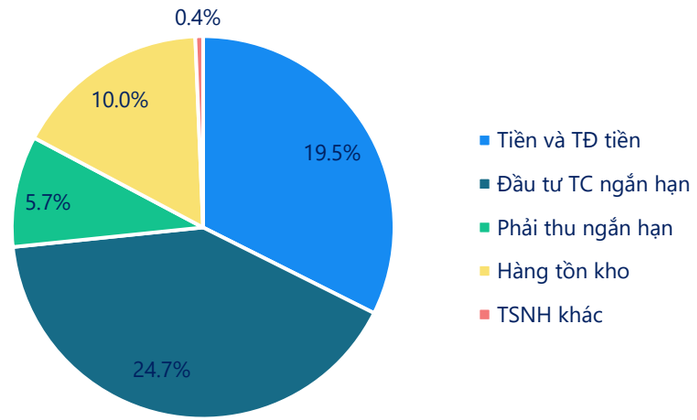
	YTD	1T	3T	6T
TTD	1.1%	25.1%	-3.0%	
VNINDEX	2.1%	-0.2%	-1.3%	

Cơ cấu Tổng tài sản



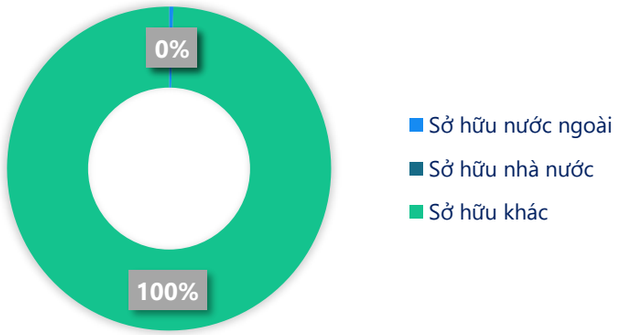
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



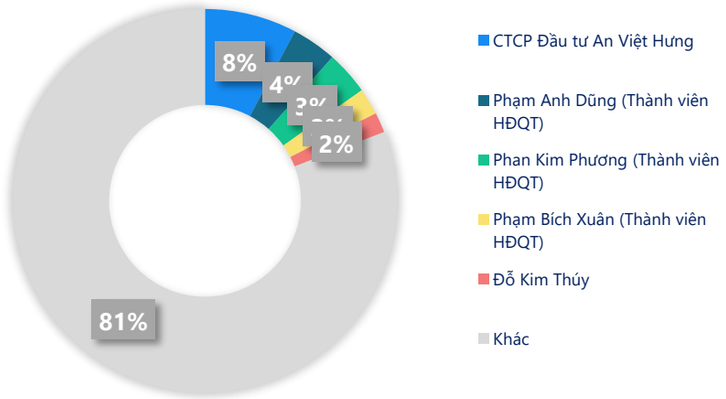
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



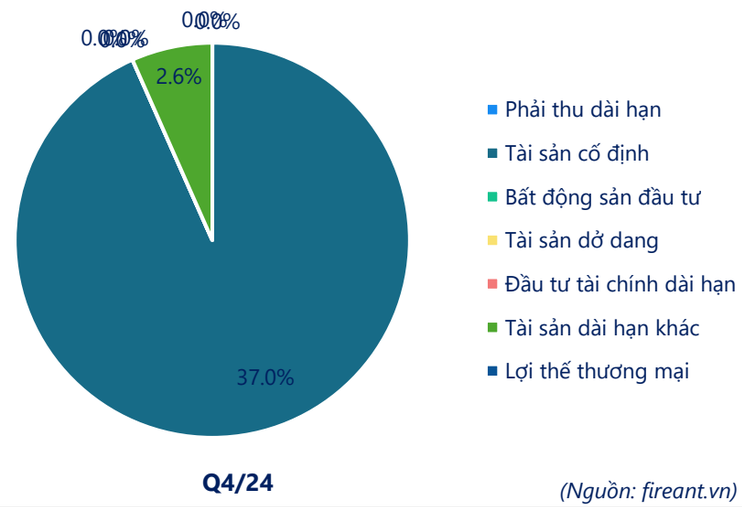
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

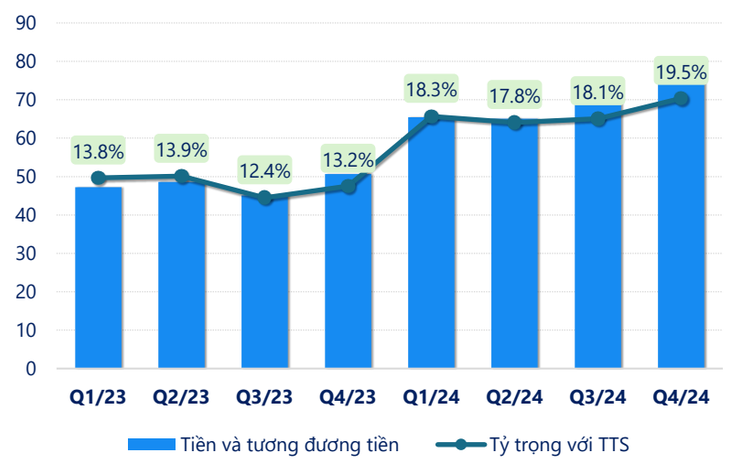


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

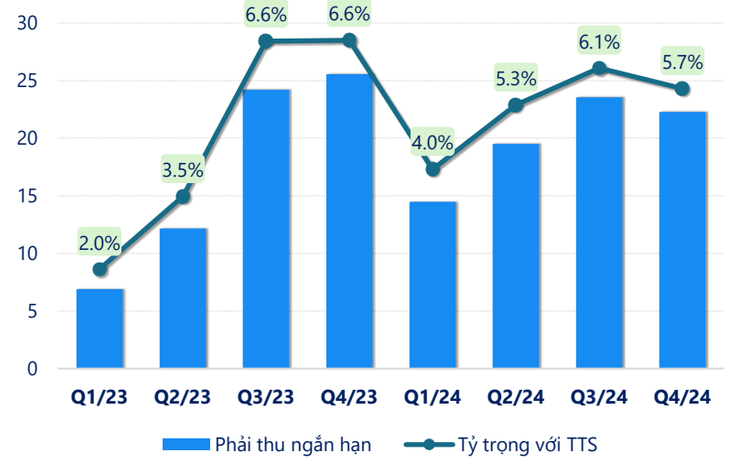
CTCP Bệnh viện tim Tâm Đức (UPCOM: TTD)

Tiền và tương đương tiền



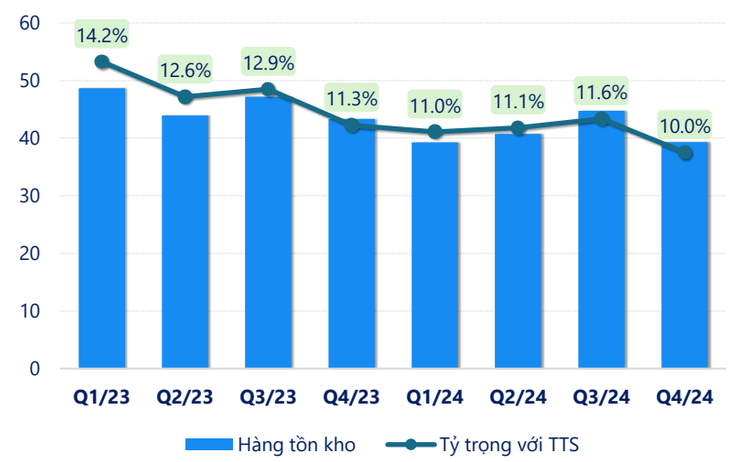
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



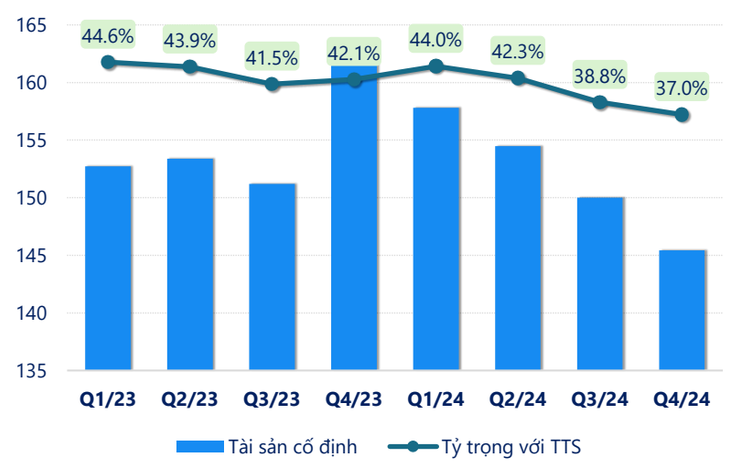
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



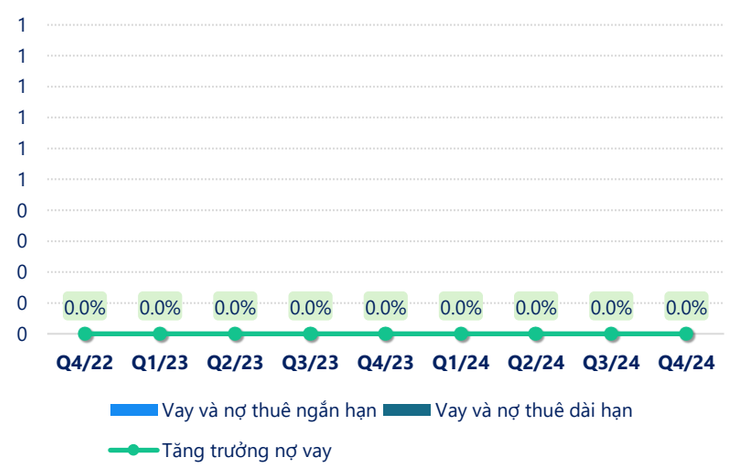
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



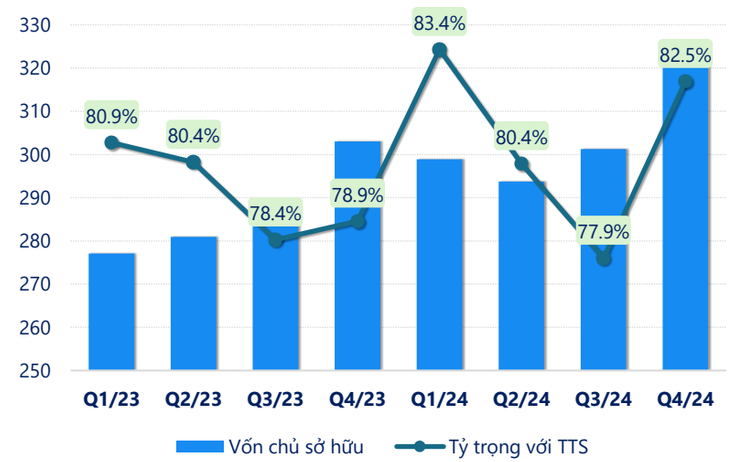
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

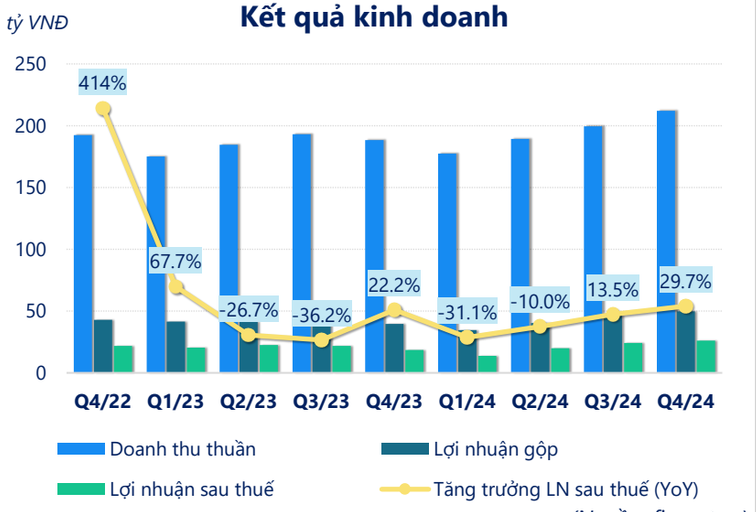


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

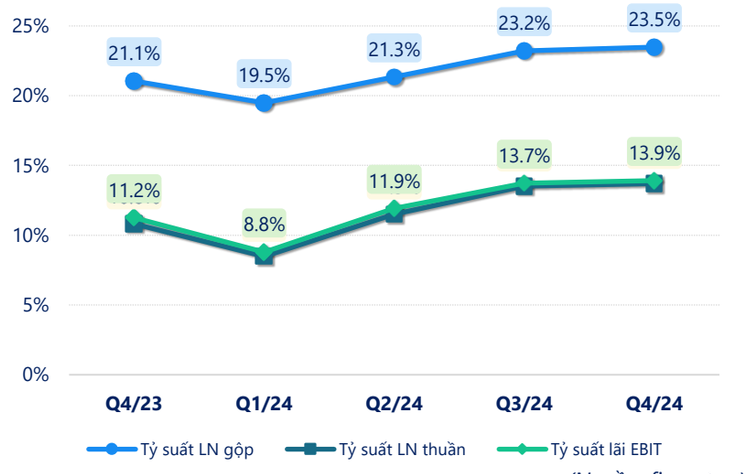
CTCP Bệnh viện tim Tâm Đức (UPCOM: TTD)

Kết quả kinh doanh



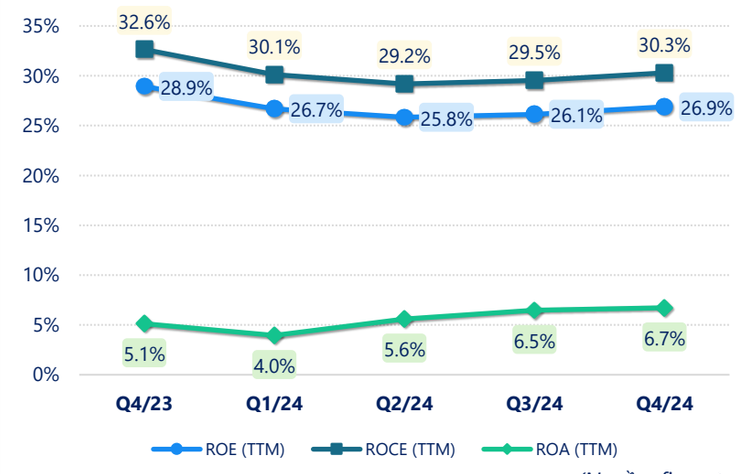
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



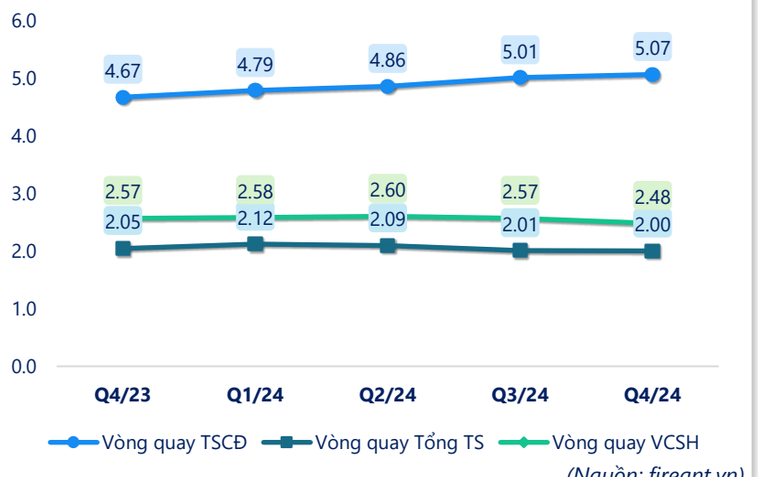
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



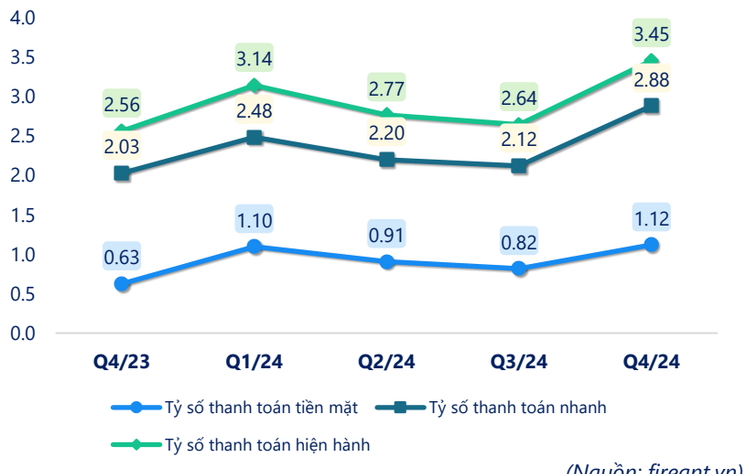
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



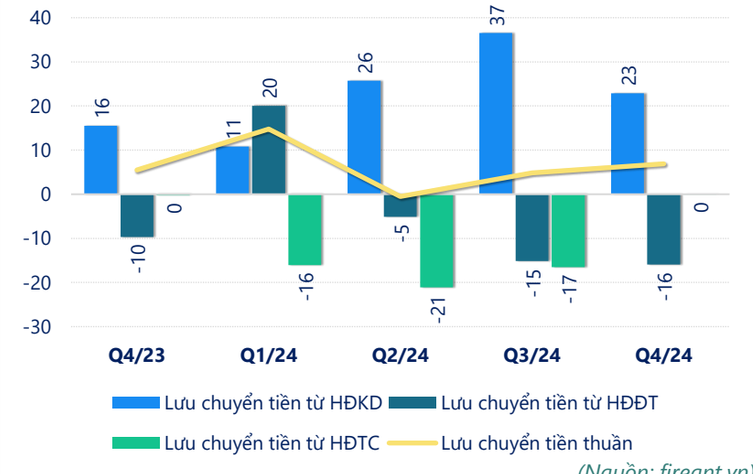
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Bệnh viện tim Tâm Đức (UPCOM: TTD)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**393**	**384**	**2.3%**
Tài sản ngắn hạn	237	207	14.2%
Tiền và tương đương tiền	76.8	50.7	51.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	97.1	86.5	12.2%
Phải thu ngắn hạn	22.3	25.2	-11.8%
Hàng tồn kho	39.3	43.3	-9.3%
Tài sản ngắn hạn khác	1.55	1.67	-7.2%
Tài sản dài hạn	**156**	**176**	**-11.7%**
Phải thu dài hạn	0.02	0.02	0.0%
Tài sản cố định	145	162	-10.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**10.3**	**14.6**	**-29.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	68.6	81.2	-15.5%
Nợ ngắn hạn	**68.6**	**81.2**	**-15.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	43.3	53.0	-18.3%
Nợ dài hạn	0.03	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**324**	**303**	**7.1%**
Vốn chủ sở hữu	**324**	**303**	**7.1%**
Vốn điều lệ	156	156	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	188	177	189	200	212
Giá vốn hàng bán	149	143	149	153	162
Lợi nhuận gộp	39.7	34.6	40.4	46.3	49.8
Doanh thu HĐTC	2.59	0.47	1.55	0.49	1.85
Chi phí TC	0	0	0	0	0.01
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.09	3.66	4.18	3.82	4.09
Chi phí QLDN	17.8	16.3	16.0	16.0	18.5
LN thuần từ HĐKD	20.4	15.0	21.8	27.0	29.0
Lợi nhuận khác	0.83	0.55	0.77	0.41	0.46
LN trước thuế	21.2	15.6	22.6	27.4	29.5
Lợi nhuận sau thuế	18.6	13.8	20.0	24.3	26.1
LNST của CĐ cty mẹ	18.6	13.8	20.0	24.3	26.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	15.5	10.8	25.7	36.5	22.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-9.70	20.0	-5.11	-15.2	-15.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.28	-16.1	-21.1	-16.5	-0.07
Tiền đầu kỳ	45.1	50.7	65.4	65.0	69.9
Lưu chuyển tiền thuần	**5.52**	**14.8**	**-0.51**	**4.84**	**6.89**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.09	0	0.12	0	-0.01
Tiền cuối kỳ	50.7	65.4	65.0	69.9	76.8

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic